

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 59/2019/DS-PT

Ngày: 19-4-2019

“V/v tranh chấp hợp

đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Các Thẩm phán: 1. Ông Doãn Đình Quyến

2. Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Q – sinh năm: 1950

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Văn D – sinh năm; 1950, bà Nguyễn Thị H – sinh năm; 1955

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

- Người làm chứng: Anh Vũ Văn T – sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

Anh Nguyễn Văn S – sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

** Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Vũ Văn Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H nên trong năm 2012, 2013 ông có cho vợ chồng ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H vay tiền, vay cả phê nhân xô nhiều lần. Cụ thể: Ngày 4/5/2012 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; Ngày 15/11/2012 vay 550 kg cà phê nhân xô, lãi 100 kg thành 120 kg; Ngày 15/11/2012 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng và 01 lần vay 450 kg cà phê nhân xô, không tính lãi nhưng không nhớ chính xác ngày tháng cho vay.

Việc vay mượn hai bên có lập thành văn bản, ông D, bà H đều ký xác nhận nợ và thỏa thuận đến năm 2013 sẽ thanh toán hết. Tuy nhiên đến năm 2013 ông D, bà H không trả nên ông D, bà H đồng ý tính toán lại số nợ, sau đó sẽ khấu trừ lô đất diện tích 3.544 m² (do nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên) cho con trai ông Q là anh Vũ Văn T với giá 169.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2013, ông và ông D, bà H chốt số tiền gốc + lãi và quy đổi cả phê ra tiền mặt, cụ thể: Số tiền gốc 100.000.000 đồng vay ngày 4/5/2012 vay + lãi suất 2%/tháng + 26.000.000 đồng (tiền lãi 13 tháng); 550 kg cà phê nhân xô vay ngày 15/11/2012 vay, lãi 100 kg thành 120 kg, quy ra tiền mặt là 22.200.000 đồng; 450 kg cà phê nhân xô quy ra tiền mặt là 16.600.000 đồng và số tiền trả cho ông S (là chủ đầu tiên của lô đất để ông S làm bìa đỏ): 20.000.000 đồng nhưng ông Q trả thay và trừ vào tiền đất. Tổng số tiền ông D, bà H nợ ông Q là: 184.800.000 đồng. Trong đó, ông D đã trả được: 4.000.000 đồng tiền lãi, ông Q thống nhất trừ vào tiền gốc còn nợ 180.800.000 đồng.

Việc chốt số nợ được lập thành văn bản, ông Q giữ 01 bản, giao cho vợ chồng ông D giữ 01 bản và hai bên thống nhất ông D bà H chuyển nhượng cho con trai ông Q là Vũ Văn T 01 diện tích đất để khấu trừ số tiền vay với giá trị 169.000.000 đồng. Ông D, bà H còn nợ 11.800.000 đồng, ông Q đưa thêm cho ông D, bà H 200.000 đồng và ông D, bà H thống nhất viết giấy vay tiền cho ông với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, hẹn đến ngày 15/12/2013 sẽ trả đủ.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng ông D, bà H vay ngày 15/11/2012, lãi suất 2,5%/tháng thì ông D, bà H đã trả được 36.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn lại là 24.000.000 đồng + lãi suất chưa trả nên ngày 10/3/2016 ông D, bà H đồng ý viết lại giấy nợ lại với số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ trả.

Sau đó ngày 25/6/2013 ông D, bà H vay thêm 550 kg cà phê nhân xô, nhưng do tin tưởng nên ông không viết giấy vay mới mà thỏa thuận dùng giấy vay 550 kg cà phê ngày 15/11/2012 để làm chứng cứ vay cà phê. Tuy nhiên hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không lập thành văn bản gì. Đến nay số tiền 36.000.000 đồng và 550 kg cà phê nhân xô đã quá hạn thanh toán và ông cũng đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông D, bà H không trả, do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà H phải trả số tiền gốc 36.000.000 đồng + lãi suất 1,5% cho ông.

Tại phiên tòa, ông đồng ý tính lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền 24.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày xét xử. Đối với số tiền gốc 12.000.000 đồng, ông đồng ý không tính lãi.

Đối với số lượng 550 kg cà phê nhân xô ông đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông, bà xác nhận trong khoảng thời gian từ năm 2012, 2013 vợ chồng ông, bà có vay tiền, vay cà phê nhân xô của ông Q nhiều lần đúng như ông Q trình bày.

Việc vay mượn hai bên có lập thành văn bản, vợ chồng ông đều ký xác nhận nợ và thỏa thuận đến năm 2013 vợ chồng ông, bà sẽ trả hết nợ cho ông Q. Tuy nhiên đến năm 2013 do khó khăn chưa trả được nợ nên vợ chồng ông, bà đồng ý khấu trừ lô đất diện tích 3.544 m² (do mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên) cho con trai ông Q là anh Vũ Văn T với giá 169.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2013, vợ chồng ông, bà và ông Q thống nhất tính toán lại số tiền gốc + lãi và quy đổi cà phê ra tiền mặt, cụ thể như sau: Ngày 4/5/2012 vay 100.000.000 đồng + lãi suất 2%/tháng của 13 tháng là 26.000.000 đồng; 450 kg cà phê nhân xô quy ra tiền mặt là 16.600.000 đồng và ông Q giao cho ông S (chủ đầu tiên của lô đất để ông S làm thủ tục sang tên): 20.000.000 đồng số tiền này do ông Q tự ý trả nên vợ chồng ông bà không đồng ý. Tổng số tiền nợ là 184.800.000 đồng (trong đó đã trả 4.000.000 đồng còn lại 180.800.000 đồng).

Việc tính toán lại số nợ có lập thành văn bản, ông Q giữ 01 bản và giao cho vợ chồng ông giữ 01 bản. Vợ chồng ông D, bà H thống nhất chuyển nhượng cho con trai ông Q là Vũ Văn T 01 diện tích đất có giá 169.000.000 đồng để khấu trừ nợ, số nợ còn lại 11.800.000 đồng, ông Q đưa cho thêm 200.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông bà viết giấy vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 1.5%/tháng, hạn đến ngày 15/12/2013 sẽ trả cho ông Q.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng vợ chồng ông bà vay ngày 15/11/2012, lãi suất 2,5%/tháng, đã trả được 36.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn lại là 24.000.000 đồng chưa trả nên ngày 10/3/2016 vợ chồng ông viết lại giấy nợ số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ trả.

Ông, bà xác nhận ngày 20/6/2013 khi các bên thống nhất viết giấy chốt nợ và khấu trừ lô đất, ông Q có đưa cho ông S 20.000.000 đồng và số tiền này trừ vào tiền mua đất, ông bà có biết nhưng ông, bà không có ý kiến gì. Ngoài ra ông không có vay của ông Q 550 kg cà phê nhân xô vào ngày 25/6/2013 như lời ông Q trình bày.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho ông Q số tiền 36.000.000 đồng còn 550 kg cà phê nhân xô ông Q đã rút yêu cầu thì ông bà đồng ý với việc rút 550 kg cà phê của ông Q. Đối với số nợ 36.000.000 đồng ông bà yêu cầu ông Q trừ ra số tiền 20.000.000 đồng đã đưa cho anh S. Sau khi khấu trừ 20.000.000 đồng thì số tiền nợ còn lại là 16.000.000 đồng + lãi suất ông, bà đồng ý trả vào cuối năm 2019.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông xác nhận năm 2006 ông có bán lô đất diện tích khoảng 3.500 m² tại thôn T, xã E cho ông Dương Văn L nhưng chưa làm thủ tục sang tên vì ông làm thất lạc giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 2013 ông Vũ Văn Q, anh Vũ Văn X, anh Vũ Văn T có đến gặp và yêu cầu ông H tắt thủ tục sang tên lô đất trên cho anh T thì ông mới biết là sau khi mua đất của ông thì anh Nguyễn Văn L đã bán lại cho vợ chồng ông Trương Văn D, Nguyễn Thị H và giao toàn bộ giấy tờ mua bán gốc cho ông D, bà H. Sau đó vợ chồng ông Trương Văn D, Nguyễn Thị H lại bán tiếp lô đất này cho anh Vũ Văn T (con trai ông Vũ Văn Q).

Do đó ngày 22/6/2013, ông Q, anh X, anh T và vợ chồng ông D, bà H cùng thống nhất ông sẽ ký giấy tờ chuyển nhượng lô đất cho anh T và chịu trách nhiệm làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, tuy nhiên ông Q (thay mặt anh T) phải giao 20.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 20.000.000 đồng này sẽ được trừ vào tiền mua bán đất của ông D bà H. Ông có biết ông D bà H bán lô đất cho nhà ông Q với số tiền 169.000.000 đồng, còn việc ông D, bà H nhận tiền mặt từ ông Q hay khấu trừ tiền nợ của ông Q thì ông H toàn không biết.

Đến tháng 7/2013 ông đã H tắt thủ tục sang tên và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

Nay Q có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 36.000.000 đồng và 550 kg cà phê nhân xô thì việc vay nợ

giữa ông D, bà H và ông Q không liên quan gì đến ông. Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà ông Q giao cho ông năm 2013 để làm bì đỏ thì ông xác nhận ông D, bà H có biết, có đồng ý trừ vào tiền mua bán đất của ông D, bà H. Ông Q là người giao tiền cho ông có sự đồng ý của ông D, bà H. Nay ông D, bà H yêu cầu Tòa án khấu trừ 20.000.000 đồng vào số tiền 36.000.000 đồng còn nợ ông Q thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Người làm chứng anh Vũ Văn T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:

Anh là con trai của ông Vũ Văn Q. Anh xác nhận có biết ngày 04/5/2012 ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H có vay của ông Q số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn đến ngày 04/5/2013 sẽ thanh toán. Khi vay hai bên có lập thành văn bản. Theo nội dung giấy vay tiền hai bên thỏa thuận thì đến hạn mà ông D, bà H không thanh toán nợ gốc + lãi cho ông Q thì ông Q được quyền sử dụng, canh tác lô đất diện tích 3.544 m² tại thôn T, xã E (do ông D, bà H nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Khi đến hạn thanh toán nợ nhưng ông D, bà H không thanh toán nợ gốc + lãi cho ông Q nên ngày 22/6/2013 ông Q cùng anh và ông D, bà H thống nhất ông D, bà H giao lô đất diện tích 3.544 m² cho anh quản lý, sử dụng, ông Q sẽ khấu trừ số nợ 169.000.000 đồng cho ông D, bà H. Tuy nhiên do giấy chứng nhận QSD đất còn đứng tên ông Nguyễn Văn S (chủ lô đất) nên các bên thống nhất ông Q sẽ đưa thêm cho ông S số tiền 20.000.000 đồng để H tất thủ tục sang tên qua cho anh và số tiền này sẽ được cộng vào số tiền nợ mà ông D, bà H còn nợ ông Q. Hiện nay lô đất trên đã H tất thủ tục sang tên và anh là người sử dụng hợp pháp. Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà ông Q giao cho ông S năm 2013 để làm bì đỏ thì anh xác nhận ông D, bà H có biết, có đồng ý trừ vào tiền mua đất của ông D, bà H. Nay ông D, bà H yêu cầu Tòa án khấu trừ 20.000.000 đồng vào số tiền 36.000.000 đồng còn nợ ông Q thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật, giải quyết vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Tại bản án số 37/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; Điều 184; khoản 1 Điều 192; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị Q số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Q.

Buộc ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Vũ Văn Q số tiền 44.500.000 đồng.

Trong đó tiền gốc: 36.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh: 8.500.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[2] Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số nợ 550 kg cà phê nhân xô.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018 ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Vũ Văn Q giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Trương Văn D và bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H trong hạn luật định.

Kháng cáo của ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H cho rằng khoản tiền 20.000.000đồng ông Q đưa cho anh S ông bà không biết và không chấp nhận trả là không có căn cứ. Bị đơn là người cao tuổi nhưng cấp sơ thẩm không miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông D, bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K về án phí.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông D đều thừa nhận các khoản vay như nguyên đơn trình bày. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn có xuất trình các giấy vay có chữ ký của bị đơn, cả hai vợ chồng ông D, bà H đều thừa nhận các tài liệu mà nguyên đơn xuất trình là đúng. Do đó ông, bà kháng cáo cho rằng toàn bộ giấy vay do ông Q tự ghi và không có chữ ký của vợ chồng ông bà là không có căn cứ.

[2] Tại thời điểm ngày 20/6/2013, khi các bên thống nhất tính toán lại số tiền gốc + lãi và quy đổi cả phê ra tiền mặt thì ông D, bà H đã biết và đồng ý cộng số tiền 20.000.000 đồng ông Q đưa cho anh S để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào số tiền nợ của ông bà. Sau khi ông bà chuyển nhượng đất để khấu trừ tiền vay thì ông bà xác nhận còn nợ lại ông Q 11.800.000đồng, sau đó ông Q đưa thêm cho ông bà 200.000đồng để chẵn 12.000.000đồng thì ông bà cũng đồng ý viết lại giấy vay 12.000.000đồng. Tại “Giấy sang nhượng rẫy cà” ngày 22/6/2013 ông D, bà H cũng xác định giao cho anh S 20.000.000đồng để anh S làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ cho anh T số tiền này do ông Q bỏ ra và được cộng vào số tiền ông D, bà H đã vay của ông Q trước đó. Kể từ khi chốt nợ, khấu trừ tiền chuyển nhượng lô đất thì vợ chồng ông bà cũng không có ý kiến gì nên ông bà cho rằng không biết việc ông Q đưa cho anh S 20.000.000đồng và không đồng ý trả cho ông Q số tiền này là không có cơ sở.

Những người làm chứng ông Nguyễn Văn S, anh Vũ Văn T xác nhận tại thời điểm ngày 22/6/2013 khi ông Q và ông D, bà H thống nhất ông D, bà H chuyển nhượng lô đất diện tích 3.544 m² cho anh T (con trai ông Q), ông Q sẽ khấu trừ số nợ 169.000.000 đồng cho ông D, bà H. Tuy nhiên do giấy chứng nhận QSD đất còn đứng tên ông Nguyễn Văn S (chủ lô đất) nên các bên thống nhất 20.000.000đồng tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông S sang anh T do ông D, bà H chịu nhưng khi đó ông D, bà H không có tiền nên ông Q

tạm ứng số tiền này và số tiền này sẽ được cộng vào số tiền nợ mà ông D, bà H còn nợ ông Q. Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông D, bà H hải trả cho ông Q tổng số tiền 44.500.000đồng trong đó tiền gốc 36.000.000đồng và lãi suất 8.500.000đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông D, bà H phải trả 550kg cà phê tại phiên tòa sơ thẩm ông Q đã rút yêu cầu khởi kiện, bản án sơ thẩm đã đình chỉ nên HĐXX không xem xét.

Bị đơn ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị Q 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 nhưng cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông bà là thiếu sót.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H – sửa một phần bản án sơ thẩm số 37/2018/DS - ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; Điều 184; khoản 1 Điều 192; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Q. Buộc ông Trương Văn D,

bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Vũ Văn Q số tiền 44.500.000 đồng.

Trong đó tiền gốc: 36.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh: 8.500.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số nợ 550 kg cà phê nhân xô.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Văn Q số tiền 1.411.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002545 ngày 23/4/2018.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trương Văn D, bà Nguyễn Thị H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010362 và biên lai thu số AA/2017/0010363 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuần